

BỘ Y TẾ**BỘ Y TẾ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04/2007/QĐ-BYT

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH**về việc ban hành Danh mục các chỉ số theo dõi, đánh giá
Chương trình phòng, chống HIV/AIDS Quốc gia (183)****BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ**

Căn cứ Nghị định số 49/2003/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 36/2004/QĐ-TTg ngày 17 tháng 3 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược Quốc gia phòng, chống HIV/AIDS ở Việt Nam đến năm 2010 và tầm nhìn 2020;

Theo đề nghị của ông Cục trưởng Cục Phòng, chống HIV/AIDS Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết

định này Danh mục 54 chỉ số theo dõi, đánh giá Chương trình phòng, chống HIV/AIDS Quốc gia (gọi tắt là chỉ số HIV/AIDS Quốc gia) bao gồm 3 nhóm chỉ số chính:

Nhóm 1: nhóm chỉ số về nâng cao năng lực, nguồn lực, theo dõi và đánh giá gồm 19 chỉ số;

Nhóm 2: nhóm chỉ số về dự phòng gồm 24 chỉ số;

Nhóm 3: nhóm chỉ số về chăm sóc, điều trị và dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con gồm 11 chỉ số.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Các ông, bà: Chánh Văn

phòng, Chánh Thanh tra, Cục trưởng Cục Phòng, chống HIV/AIDS Việt Nam, Vụ trưởng, Cục trưởng các Vụ, Cục thuộc Bộ Y tế, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ Y tế, Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng

Y tế các ngành chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trịnh Quân Huấn

DANH MỤC**54 chỉ số theo dõi, đánh giá Chương trình phòng, chống HIV/AIDS Quốc gia**

(ban hành kèm theo Quyết định số 04/2007/QĐ-BYT
ngày 15 tháng 01 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

I. NHÓM CHỈ SỐ 1:

Nhóm chỉ số nâng cao năng lực, nguồn lực, theo dõi và đánh giá

TT	Chỉ số	Mục đích	Đơn vị thu thập	Nguồn thu thập	Tần xuất thu thập
1	Thực trạng tám chương trình hành động được soạn thảo, hoàn chỉnh, dự trù kinh phí, có ngân sách và được triển khai thực hiện	Đánh giá tình hình xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình hành động theo Chiến lược Quốc gia phòng, chống HIV/AIDS	Đơn vị theo dõi, đánh giá Quốc gia	Báo cáo định kỳ	Hàng năm
2	Chỉ số hợp phần chính sách Quốc gia	Đánh giá tiến độ xây dựng và thực thi các chiến lược và chính sách phòng, chống HIV/AIDS cấp Quốc gia	Đơn vị theo dõi, đánh giá Quốc gia	Bộ Y tế và các Bộ ngành liên quan	2 - 3 năm một lần
3	Tỷ lệ phần trăm các Bộ, ngành và đoàn thể quần chúng có kế hoạch, ngân sách và báo cáo hàng năm	Đánh giá mức đáp ứng của các Bộ ngành, đoàn thể trong công tác phòng, chống HIV/AIDS	Đơn vị theo dõi, đánh giá Quốc gia	Bộ Y tế và các Bộ ngành liên quan	Hàng năm

09674536

TT	Chỉ số	Mục đích	Đơn vị thu thập	Nguồn thu thập	Tần xuất thu thập
4	Tỷ lệ phần trăm các tỉnh, thành phố có kế hoạch, ngân sách và báo cáo hàng năm	Đánh giá mức đáp ứng của các tỉnh, thành phố trong công tác phòng, chống HIV/AIDS	Đơn vị theo dõi, đánh giá tỉnh, thành phố	Bộ Y tế, các tỉnh, thành phố	Hàng năm
5	Tổng ngân sách cấp trung ương chi cho chương trình phòng, chống HIV/AIDS	Đánh giá chi phí từ Chính phủ (cấp trung ương) cho công tác phòng, chống HIV/AIDS	Đơn vị theo dõi, đánh giá Quốc gia	Bộ Y tế, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch Đầu tư, các Viện Quốc gia, các cơ quan liên hiệp quốc và các tổ chức và nhà tài trợ quốc tế	Hàng năm
6	Tổng ngân sách cấp địa phương chi cho các chương trình phòng, chống HIV/AIDS	Đánh giá chi phí từ Chính phủ (cấp địa phương) cho công tác phòng, chống HIV/AIDS	Đơn vị theo dõi, đánh giá tuyến tỉnh	Bộ Y tế, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch Đầu tư, các Viện Quốc gia, các cơ quan liên hiệp quốc và các tổ chức và nhà tài trợ quốc tế, Sở Y tế, Sở Tài chính	Hàng năm

TT	Chi số	Mục đích	Đơn vị thu thập	Nguồn thu thập	Tần xuất thu thập
7	Tổng chi từ nguồn viện trợ quốc tế cho các chương trình phòng, chống HIV/AIDS	Đánh giá chi phí từ nguồn viện trợ quốc tế cho công tác phòng, chống HIV/AIDS.	Đơn vị theo dõi, đánh giá Quốc gia	Bộ Y tế, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch Đầu tư, các Viện Quốc gia, các cơ quan liên hiệp quốc và các tổ chức và nhà tài trợ quốc tế	Hàng năm
8	Tổng chi từ khu vực tư nhân cho các chương trình phòng, chống HIV/AIDS	Đánh giá chi phí từ khu vực tư nhân cho công tác phòng, chống HIV/AIDS	Đơn vị theo dõi, đánh giá Quốc gia	Nghiên cứu đặc biệt	2 - 3 năm một lần
9	Tổng chi do người dân tự chi trả cho các hoạt động chăm sóc và điều trị HIV/AIDS	Đánh giá chi phí người dân tự chi trả cho các hoạt động chăm sóc và điều trị HIV/AIDS	Đơn vị theo dõi, đánh giá Quốc gia	Nghiên cứu đặc biệt	2 - 3 năm một lần
10	Tỷ suất chi giữa tất cả các nguồn cho các chương trình dự phòng và chương trình chăm sóc điều trị	Đánh giá chi phí tương quan giữa chương trình dự phòng và chăm sóc điều trị	Đơn vị theo dõi, đánh giá Quốc gia	Nghiên cứu đặc biệt	Hàng năm

09674536

TT	Chi số	Mục đích	Đơn vị thu thập	Nguồn thu thập	Tần xuất thu thập
11	Chi phí bình quân đầu người cho các chương trình phòng, chống HIV/AIDS trong một năm	So sánh tổng chi cho các chương trình phòng, chống HIV/AIDS của Việt Nam với các quốc gia khác	Đơn vị theo dõi, đánh giá Quốc gia	Bộ Y tế, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch Đầu tư, các Viện Quốc gia, các cơ quan liên hiệp quốc và các tổ chức và nhà tài trợ quốc tế	Hàng năm
12	Số cán bộ chuyên trách làm việc trong lĩnh vực phòng chống HIV/AIDS	Đánh giá cam kết nguồn lực nhân lực từ trung ương đến tuyến cơ sở	Đơn vị theo dõi, đánh giá Quốc gia và Đơn vị theo dõi, đánh giá tỉnh, thành phố	Bộ Y tế và các Bộ ngành liên quan	Hàng năm
13	Số cán bộ chuyên trách được tập huấn về phòng, chống HIV/AIDS hàng năm	Đánh giá tiến độ thực hiện kế hoạch xây dựng năng lực	Đơn vị theo dõi, đánh giá Quốc gia Đơn vị theo dõi, đánh giá tỉnh, thành phố	Bộ Y tế và các Bộ ngành liên quan	Hàng năm

09674536

TT	Chỉ số	Mục đích	Đơn vị thu thập	Nguồn thu thập	Tần xuất thu thập
14	Tỷ lệ các trường có giáo viên được đào tạo giảng dạy về giáo dục HIV dựa trên các kỹ năng sống trong năm học vừa qua	Đánh giá tiến độ triển khai giáo dục về HIV dựa trên các kỹ năng sống tại tất cả các trường	Đơn vị theo dõi, đánh giá Quốc gia	Bộ Giáo dục Đào tạo	2 - 3 năm một lần
15	Chỉ số hợp phần Chính sách Quốc gia	Đánh giá những yêu cầu cơ bản của hệ thống theo dõi, đánh giá tuyến trung ương	Đơn vị theo dõi, đánh giá Quốc gia	Bộ Y tế và các Bộ ngành liên quan	2 - 3 năm một lần
16	Tỷ lệ phần trăm đơn vị theo dõi, đánh giá tuyến tỉnh được vận hành	Đánh giá những yêu cầu cơ bản của hệ thống theo dõi, đánh giá tuyến tỉnh	Đơn vị theo dõi, đánh giá tỉnh, thành phố	Báo cáo định kỳ	Hàng năm
17	Tỷ lệ hiện nhiễm ước tính trong các quần thể đích	Đánh giá tiến độ thực hiện nhằm giảm các trường hợp mắc HIV/AIDS trong các nhóm quần thể đích	Đơn vị theo dõi, đánh giá Quốc gia	Bộ Y tế, các tổ chức quốc tế	2 - 3 năm một lần
18	Tỷ lệ (%) hiện nhiễm HIV ước tính tại Việt Nam (theo tuổi và giới)	Đánh giá tiến độ thực hiện nhằm giảm các trường hợp mắc HIV/AIDS	Đơn vị theo dõi, đánh giá Quốc gia	Bộ Y tế, các tổ chức quốc tế	2 - 3 năm một lần

09674536

TT	Chỉ số	Mục đích	Đơn vị thu thập	Nguồn thu thập	Tần xuất thu thập
19	Số trường hợp nhiễm HIV/AIDS và tử vong do AIDS (theo tuổi, giới) theo báo cáo	Đánh giá tiến độ thực hiện nhằm giảm các trường hợp mắc HIV	Đơn vị theo dõi, đánh giá Quốc gia	Báo cáo định kỳ	Hàng năm

II. NHÓM CHỈ SỐ 2:

Nhóm chỉ số dự phòng

TT	Chỉ số	Mục đích	Đơn vị thu thập	Nguồn thu thập	Tần xuất thu thập
20	Tỷ lệ phần trăm những người trong độ tuổi 15 - 24 và 15 - 49 xác định được đúng cách phòng ngừa lây nhiễm HIV và phản đối những quan niệm sai lầm phổ biến về lây nhiễm HIV	Đánh giá tiến độ việc thực hiện chương trình nâng cao kiến thức cần thiết về lây truyền HIV ở những người trong độ tuổi 15 - 49	Đơn vị theo dõi, đánh giá Quốc gia	Điều tra dân cư như Điều tra dân cư và sức khỏe hoặc điều tra hộ gia đình và HIV/AIDS	2 - 3 năm một lần
21	Tỷ lệ phần trăm những người trong quần thể nguy cơ cao xác định được đúng cách phòng ngừa lây nhiễm HIV và phản đối những quan niệm sai lầm phổ biến về lây nhiễm HIV	Đánh giá tiến độ việc thực hiện chương trình nâng cao kiến thức cần thiết về lây truyền HIV ở những người trong quần thể nguy cơ cao	Đơn vị theo dõi, đánh giá Quốc gia	Nghiên cứu đặc biệt như giám sát hành vi, giám sát lồng ghép huyết thanh và hành vi	2 - 3 năm một lần

TT	Chỉ số	Mục đích	Đơn vị thu thập	Nguồn thu thập	Tần xuất thu thập
22	Tỷ lệ người dân trong độ tuổi từ 15 - 49 có thái độ tích cực đối với người nhiễm HIV	Đánh giá thái độ của người dân với người nhiễm HIV	Đơn vị theo dõi, đánh giá Quốc gia	Điều tra dân cư như Điều tra dân cư và sức khỏe hoặc điều tra hộ gia đình và HIV/AIDS	2 - 3 năm một lần
23	Tỷ lệ phần trăm người trong độ tuổi 15 - 24 và 15 - 49 có quan hệ tình dục với bạn tình ngoài hôn nhân, không cùng chung sống trong 12 tháng vừa qua	Đánh giá tiến độ trong việc giảm tỷ lệ những người trẻ tuổi trong độ tuổi 15 - 49 có hành vi tình dục nguy cơ cao	Đơn vị theo dõi, đánh giá Quốc gia	Điều tra dân cư như Điều tra dân cư và sức khỏe hoặc điều tra hộ gia đình và HIV/AIDS và các nghiên cứu đặc biệt	2 - 3 năm một lần
24	Tỷ lệ phần trăm nam giới cho biết có quan hệ tình dục với người bán dâm trong 12 tháng qua	Đánh giá tình hình nam giới có hành vi tình dục nguy cơ	Đơn vị theo dõi, đánh giá Quốc gia	Điều tra dân cư như Điều tra dân cư và sức khỏe hoặc điều tra hộ gia đình và HIV/AIDS	2 - 3 năm một lần
25	Tỷ lệ phần trăm người bán dâm cho biết có sử dụng bao cao su với khách hàng gần đây nhất	Đánh giá tiến độ phòng ngừa phơi nhiễm HIV trong nhóm gái mại dâm có quan hệ tình dục không được bảo vệ với khách hàng	Đơn vị theo dõi, đánh giá tỉnh, thành phố trọng điểm	Nghiên cứu đặc biệt như giám sát hành vi, giám sát lồng ghép huyết thanh và hành vi (nhóm người bán dâm)	2 - 3 năm một lần

09674536

TT	Chỉ số	Mục đích	Đơn vị thu thập	Nguồn thu thập	Tần xuất thu thập
26	Tỷ lệ phần trăm người bán dâm cho biết luôn luôn sử dụng bao cao su với khách hàng trong tháng vừa qua	Đánh giá tiến độ phòng ngừa phơi nhiễm HIV trong nhóm người bán dâm có quan hệ tình dục không được bảo vệ với khách hàng	Đơn vị theo dõi, đánh giá tình, thành phố trọng điểm	Nghiên cứu đặc biệt như giám sát hành vi, giám sát lồng ghép huyết thanh và hành vi (nhóm người bán dâm)	2 - 3 năm một lần
27	Tỷ lệ phần trăm gái mại dâm tiêm chích ma túy trong tháng vừa qua	Đánh giá tiến độ phòng ngừa phơi nhiễm HIV trong nhóm người bán dâm tiêm chích ma túy	Đơn vị theo dõi, đánh giá tình, thành phố trọng điểm	Nghiên cứu đặc biệt như giám sát hành vi, giám sát lồng ghép huyết thanh và hành vi (nhóm người bán dâm)	2 - 3 năm một lần
28	Tỷ lệ phần trăm người nghiện chích ma túy có sử dụng chung bơm kim tiêm trong tháng vừa qua	Đánh giá tiến độ phòng ngừa phơi nhiễm HIV trong nhóm nghiện chích ma túy có hành vi sử dụng chung bơm kim tiêm	Đơn vị theo dõi, đánh giá tình, thành phố trọng điểm	Nghiên cứu đặc biệt như giám sát hành vi, giám sát lồng ghép huyết thanh và hành vi (nhóm nghiện chích ma túy)	2 - 3 năm một lần

09674536

TT	Chỉ số	Mục đích	Đơn vị thu thập	Nguồn thu thập	Tần xuất thu thập
29	Tỷ lệ phần trăm người nghiện chích ma túy cho biết có sử dụng bao cao su trong lần quan hệ tình dục gần đây nhất	Đánh giá tiến độ phòng ngừa phơi nhiễm HIV trong nhóm nghiện chích ma túy có quan hệ tình dục không được bảo vệ	Đơn vị theo dõi, đánh giá tình, thành phố trọng điểm	Nghiên cứu đặc biệt như giám sát hành vi, giám sát lồng ghép huyết thanh và hành vi (nhóm nghiện chích ma túy)	2 - 3 năm một lần
30	Tỷ lệ phần trăm nam giới cho biết có sử dụng bao cao su trong lần quan hệ tình dục gần đây nhất với bạn tình nam giới qua đường hậu môn	Đánh giá tiến độ phòng ngừa phơi nhiễm HIV trong nhóm nam có quan hệ tình dục qua đường hậu môn không được bảo vệ với bạn tình nam giới	Đơn vị theo dõi, đánh giá tình, thành phố trọng điểm	Nghiên cứu đặc biệt như giám sát hành vi, giám sát lồng ghép huyết thanh và hành vi (nhóm đồng tính nam)	2-3 năm một lần
31	Tỷ lệ phần trăm các huyện thực hiện chương trình phân phát và hoặc trao đổi bơm kim tiêm	Đánh giá sự sẵn có các chương trình giảm hại cho nhóm nghiện chích ma túy	Đơn vị theo dõi, đánh giá tình, thành phố trọng điểm	Báo cáo định kỳ	Hàng năm
32	Tỷ lệ phần trăm các huyện thực hiện các chương trình khuyến khích sử dụng bao cao su cho nhóm người bán dâm	Đánh giá sự sẵn có các chương trình giảm hại cho nhóm người bán dâm	Đơn vị theo dõi, đánh giá Quốc gia	Báo cáo định kỳ	Hàng năm

TT	Chỉ số	Mục đích	Đơn vị thu thập	Nguồn thu thập	Tần xuất thu thập
33	Số điểm thực hiện các chương trình điều trị thay thế	Đánh giá sự sẵn có các chương trình giảm hại	Đơn vị theo dõi, đánh giá Quốc gia	Báo cáo định kỳ	Hàng năm
34	Tỷ lệ phần trăm nam và nữ thanh niên tuổi từ 15 - 24 biết được nơi cung cấp hoặc phân phát bao cao su	Đánh giá kiến thức về dự phòng HIV/AIDS	Đơn vị theo dõi, đánh giá Quốc gia	Nghiên cứu đặc biệt	Hàng năm
35	Tỷ lệ phần trăm những người trong quần thể có nguy cơ cao được tiếp cận với các chương trình giảm hại trong 6 tháng qua	Đánh giá tiến độ thực hiện chương trình giảm hại dành cho các quần thể nguy cơ cao	Đơn vị theo dõi, đánh giá tình, thành phố trọng điểm	Nghiên cứu đặc biệt như giám sát hành vi, giám sát lồng ghép huyết thanh và hành vi Báo cáo định kỳ	2 - 3 năm một lần
36	Tỷ lệ hiện nhiễm các nhiễm trùng qua đường tình dục trong các quần thể đích	Theo dõi tỷ lệ hiện nhiễm các nhiễm khuẩn qua đường tình dục trong các quần thể đích, bao gồm cả phụ nữ mang thai	Đơn vị theo dõi, đánh giá Quốc gia	Giám sát trọng điểm STI Giám sát lồng ghép huyết thanh và hành vi	2 - 3 năm một lần
37	Tỷ lệ phần trăm những người trong quần thể nguy cơ cao tiếp cận được dịch vụ chẩn đoán và điều trị các nhiễm trùng qua đường tình dục	Đánh giá việc tiếp cận các dịch vụ chẩn đoán và điều trị các nhiễm khuẩn qua đường tình dục	Đơn vị theo dõi, đánh giá Quốc gia	Nghiên cứu đặc biệt như giám sát hành vi, giám sát lồng ghép huyết thanh và hành vi Báo cáo định kỳ	Hàng năm

TT	Chỉ số	Mục đích	Đơn vị thu thập	Nguồn thu thập	Tần xuất thu thập
38	Tỷ lệ phần trăm nam và nữ giới mắc các nhiễm trùng qua đường tình dục tại các cơ sở y tế được chẩn đoán, điều trị và tư vấn phù hợp	Đánh giá chất lượng các dịch vụ chẩn đoán, điều trị và tư vấn các nhiễm khuẩn qua đường tình dục	Đơn vị theo dõi, đánh giá Quốc gia	Nghiên cứu đặc biệt	2 - 3 năm một lần
39	Tỷ lệ phần trăm các đơn vị máu được sàng lọc HIV theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế trong 12 tháng qua	Đánh giá an toàn trong truyền máu	Đơn vị theo dõi, đánh giá Quốc gia	Báo cáo định kỳ	Hàng năm
40	Tỷ lệ phần trăm các huyện cung cấp dịch vụ tư vấn xét nghiệm tự nguyện đạt chuẩn quốc gia	Đánh giá sự sẵn có và độ bao phủ các dịch vụ tư vấn xét nghiệm tự nguyện	Đơn vị theo dõi, đánh giá Quốc gia	Điều tra chuyên biệt tại các điểm cung cấp dịch vụ, tư vấn xét nghiệm tự nguyện	2 - 3 năm một lần
41	Số người tự nguyện xét nghiệm HIV và nhận được kết quả xét nghiệm trong 12 tháng qua	Đánh giá việc sử dụng các dịch vụ tư vấn xét nghiệm tự nguyện	Đơn vị theo dõi, đánh giá Quốc gia Đơn vị theo dõi, đánh giá tỉnh, thành phố	Báo cáo định kỳ	Hàng năm

TT	Chỉ số	Mục đích	Đơn vị thu thập	Nguồn thu thập	Tần xuất thu thập
42	Tỷ lệ phần trăm người tự nguyện xét nghiệm HIV được tư vấn trước và sau xét nghiệm và nhận kết quả xét nghiệm HIV trong 12 tháng qua	Đánh giá việc sử dụng các dịch vụ tư vấn xét nghiệm tự nguyện	Đơn vị theo dõi, đánh giá Quốc gia	Báo cáo định kỳ	Hàng năm
43	Tỷ lệ phần trăm những người trong quần thể có nguy cơ cao được xét nghiệm HIV và nhận kết quả xét nghiệm trong 12 tháng qua	Đánh giá tiến độ thực hiện việc xét nghiệm và tư vấn HIV cho quần thể có nguy cơ cao	Đơn vị theo dõi, đánh giá tỉnh, thành phố trọng điểm	Nghiên cứu đặc biệt như giám sát hành vi, giám sát lồng ghép huyết thanh và hành vi Báo cáo định kỳ	2-3 năm một lần

III. NHÓM CHỈ SỐ 3:

Nhóm chỉ số chăm sóc, điều trị và dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con

TT	Chỉ số	Mục đích	Đơn vị thu thập	Nguồn thu thập	Tần xuất thu thập
44	Số lượng và tỷ lệ phần trăm các huyện có ít nhất một cơ sở cung cấp gói dịch vụ phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con	Đánh giá sự sẵn có của các dịch vụ phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con	Đơn vị theo dõi, đánh giá Quốc gia Đơn vị theo dõi, đánh giá tỉnh, thành phố	Báo cáo định kỳ	Hàng năm

TT	Chỉ số	Mục đích	Đơn vị thu thập	Nguồn thu thập	Tần xuất thu thập
45	Số lượng và tỷ lệ phần trăm phụ nữ có thai được tư vấn, xét nghiệm HIV để phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con và nhận được kết quả xét nghiệm	Đánh giá việc sử dụng các dịch vụ phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con	Đơn vị theo dõi, đánh giá Quốc gia Đơn vị theo dõi, đánh giá tỉnh, thành phố	Báo cáo định kỳ	Hàng năm
46	Số lượng và tỷ lệ phần trăm các trường hợp cả phụ nữ mang thai nhiễm HIV và con của họ được điều trị dự phòng ARV hoàn chỉnh nhằm giảm nguy cơ lây truyền HIV từ mẹ sang con	Đánh giá tiến độ thực hiện công tác phòng ngừa lây truyền HIV từ mẹ sang con thông qua điều trị dự phòng ARV	Đơn vị theo dõi, đánh giá Quốc gia Đơn vị theo dõi, đánh giá tỉnh, thành phố	Báo cáo định kỳ	Hàng năm
47	Tỷ lệ phần trăm trẻ sơ sinh sinh ra từ mẹ nhiễm HIV bị nhiễm HIV	Đánh giá tiến độ thực hiện công tác phòng ngừa lây truyền HIV từ mẹ sang con thông qua điều trị dự phòng ARV	Đơn vị theo dõi, đánh giá Quốc gia	Báo cáo định kỳ	Hàng năm
48	Tỷ lệ phần trăm các huyện có ít nhất một cơ sở y tế công (thuộc hệ thống Bộ Y tế) cung cấp ARV	Đánh giá sự sẵn có của các chương trình ART tại các cơ sở y tế công	Đơn vị theo dõi, đánh giá Quốc gia	Báo cáo định kỳ Điều tra tại cơ sở y tế	Hàng năm (trong khi mở rộng chương trình) Sau đó 2 - 3 năm một lần

09674536

TT	Chi số	Mục đích	Đơn vị thu thập	Nguồn thu thập	Tần xuất thu thập
49	Tỷ lệ phần trăm các huyện cung cấp gói điều trị, chăm sóc và hỗ trợ HIV/AIDS toàn diện theo chuẩn quốc gia	Đánh giá sự sẵn có của dịch vụ chăm sóc, điều trị, hỗ trợ toàn diện HIV/AIDS	Đơn vị theo dõi, đánh giá Quốc gia Đơn vị theo dõi, đánh giá tỉnh, thành phố	Báo cáo định kỳ	Hàng năm
50	Số trại giam, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng, cơ sở không trực thuộc Bộ Y tế cung cấp dịch vụ ARV	Đánh giá sự sẵn có của dịch vụ điều trị ARV tại trại giam, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng, cơ sở không trực thuộc Bộ Y tế	Đơn vị theo dõi, đánh giá Quốc gia Đơn vị theo dõi, đánh giá tỉnh, thành phố	Báo cáo định kỳ	Hàng năm
51	Tỷ lệ phần trăm những người nhiễm HIV tiến triển được điều trị bằng liệu pháp phối hợp ARV	Đánh giá tiến độ thực hiện cung cấp liệu pháp điều trị phối hợp ARV cho tất cả bệnh nhân AIDS	Đơn vị theo dõi, đánh giá Quốc gia	Báo cáo định kỳ	Hàng năm
52	Tiếp tục điều trị theo phác đồ bậc 1 tại thời điểm 6 tháng, 12 tháng và 24 tháng sau khi bắt đầu điều trị	Đánh giá việc tiếp tục điều trị theo phác đồ bậc 1 của bệnh nhân	Đơn vị theo dõi, đánh giá Quốc gia Đơn vị theo dõi, đánh giá tỉnh, thành phố		Hàng năm
53	Tỷ lệ sống sót vào thời điểm 6 tháng, 12 tháng và 24 tháng sau khi bắt đầu điều trị	Đánh giá tỷ lệ sống sót	Đơn vị theo dõi, đánh giá Quốc gia Đơn vị theo dõi, đánh giá tỉnh, thành phố	Báo cáo định kỳ	Hàng năm

09674536

TT	Chỉ số	Mục đích	Đơn vị thu thập	Nguồn thu thập	Tần xuất thu thập
54	Tỷ lệ phần trăm người nhiễm HIV được điều trị và chăm sóc HIV đồng thời được sàng lọc các triệu chứng lao (TB/HIV)	Đánh giá tiến độ thực hiện nhằm làm giảm tác động của lao đối với những người nhiễm HIV	Đơn vị theo dõi, đánh giá Quốc gia Đơn vị theo dõi, đánh giá tỉnh, thành phố	Đăng ký tư vấn và xét nghiệm HIV (hiệu chỉnh) hoặc đăng ký chăm sóc và điều trị HIV	Hàng năm

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trịnh Quân Huân